

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Hà
huyện Vĩnh Linh đến năm 2035**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Số 44/2015NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định 44/2015NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 Sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 4447/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 của UBND huyện Vĩnh Linh về việc phê duyệt nhiệm vụ đồ án Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Hà huyện Vĩnh Linh giai đoạn 2021-2025 định hướng đến 2030;

Căn cứ Quyết định số 1165/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 của UBND huyện Vĩnh Linh về việc điều chỉnh tên đồ án quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới các xã thuộc huyện Vĩnh Linh giai đoạn 2021-2025 định hướng đến 2030 tại các Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch;

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo thẩm định số 52/KTHT-TĐQH ngày 01/11/2023; Tờ trình số 65/TTr-UBND ngày 23/10/2023 của UBND xã Vĩnh Hà về việc thẩm định, phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Hà huyện Vĩnh Linh đến năm 2035.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Hà huyện Vĩnh Linh đến năm 2035 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Quy mô diện tích, phạm vi ranh giới quy hoạch

- Quy mô diện tích: 16.503,49ha.
- Phạm vi ranh giới quy hoạch:
 - + Phía Bắc giáp thị trấn Bến Quan, xã Vĩnh Long và xã Vĩnh Khê.
 - + Phía Nam giáp xã Linh Thượng huyện Gio Linh.
 - + Phía Đông giáp xã Vĩnh Thủy, Vĩnh Sơn huyện Vĩnh Linh và xã Vĩnh Trường huyện Gio Linh.
 - + Phía Tây giáp xã Vĩnh Ô và huyện Lệ Thủy tỉnh Quảng Bình.

2. Tính chất

Là một xã có cơ cấu kinh tế phát triển chủ yếu là Nông Lâm nghiệp, bên cạnh phát triển kinh tế nhiều thành phần bao gồm: chăn nuôi và chế biến nông lâm sản, thương mại, dịch vụ nhỏ. Định hướng đến năm 2035 phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch là mũi nhọn cơ cấu kinh tế của xã.

3. Mục tiêu

- Phát triển kinh tế xã hội bền vững, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh quốc phòng, giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa địa phương và bảo vệ môi trường sinh thái.
- Gắn với quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, gắn với xây dựng các cơ sở công nghiệp - TTCN, dịch vụ theo quy hoạch.
- Nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn với điều kiện tiện nghi giảm dần khoảng cách với cuộc sống đô thị.
- Phòng chống và giảm nhẹ thiên tai.
- Quy hoạch không gian và hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển về kinh tế xã hội trên địa bàn xã.
- Bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, bảo vệ môi trường sinh thái xã.
- Làm cơ sở pháp lý cho việc phát triển các điểm dân cư và hệ thống kết cấu hạ tầng. Phục vụ công tác quản lý đất đai và kiểm soát phát triển, đầu tư xây dựng theo quy hoạch trên địa bàn xã, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.
- Hình thành thiết chế trong việc xây dựng phát triển trên cơ sở có sự tham gia của người dân để đảm bảo tính khả thi, tính bền vững trong xây dựng phát triển xã.

4. Quy mô dân số, lao động, các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

a. Quy mô dân số, lao động: Được thể hiện theo bảng sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035
I	Dân số					
1	Tổng dân số	Người	2.067	-	2.343	2.517
2	Tổng số hộ	hộ	559	-	617	645
II	Lao động		1.410	1020	1072	-
1	Lao động qua đào tạo	Người	972	816	858	-
2	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	69,0	80,0	80,0	-

b. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu: Áp dụng QCVN:01-2021 về Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng, cụ thể theo bảng sau:

TT	Mục tiêu của tiêu chí	Chỉ tiêu kỹ thuật
1	Trụ sở ủy ban nhân dân xã	Diện tích (DT) đất tối thiểu 1.000m ²
2	Trung tâm văn hóa thể thao xã	DT đất \geq 2.500 m ²
3	Nhà văn hóa thôn, sân thể thao thôn.	DT Nhà văn hóa tối thiểu 300m ² ; DT đất tối thiểu 1.000m ² ; DT Sân thể thao tối thiểu 2.000m ²
4	Trường mầm non	DT tối thiểu 12m ² /cháu Bán kính phục vụ tối đa 2,0km
5	Trường tiểu học	DT tối thiểu 10m ² /cháu Bán kính phục vụ tối đa 2,0km
6	Trường phổ thông cơ sở	DT tối thiểu 10m ² /cháu; Bán kính phục vụ tối đa 2,0km
7	Trạm y tế	DT đất không có vườn thuốc \geq 500m ² DT đất có vườn thuốc \geq 1.000m ²
8	Chợ	DT đất 1.500m ²
9	Cửa hàng dịch vụ trung tâm thương mại	DT đất 300 m ²
10	Nghĩa trang	Đến năm 2030 có 1 nghĩa trang Đến 2035 có 2-3 nghĩa trang Bán kính phục vụ khoảng 3km
11	Khu chôn lấp rác thải	Đến năm 2030 có 1-2 khu Đến năm 2035 có 3-5 khu
12	Cây xanh công cộng	Chỉ tiêu đất tối thiểu 2m ² /người

TT	Mục tiêu của tiêu chí	Chỉ tiêu kỹ thuật
13	Đường quốc lộ, tỉnh lộ đi qua xã	Quy mô cấp III
14	Đường huyện đi qua khu dân cư xã	Quy mô cấp IV
15	Đường trục xã	Chiều rộng mặt cắt ngang đường $\geq 6,5m$
16	Đường trục thôn	Chiều rộng mặt đường $\geq 3,0m$
17	Cấp nước	Chỉ tiêu cấp nước 80 lít/người/ngày đêm Sử dụng vòi nước công cộng ≥ 40 lít/gười/ngày
18	Thoát nước	Có hệ thống thoát nước thu gom được tối thiểu 80% lượng nước cấp
19	Cấp điện	Chỉ tiêu cấp điện tối thiểu 200kwh/người/năm; Phụ tải $\geq 150w$ /người Chỉ tiêu cấp điện cho công cộng tối thiểu là 15% điện sinh hoạt

5. Quy hoạch sử dụng đất

Tổng diện tích tự nhiên toàn xã là 16.503,49ha, định hướng quy hoạch sử dụng đất như sau:

Đơn vị: ha.

TT	Loại đất	Mã	Năm 2022	Năm 2030	Năm 2035
1	Đất nông nghiệp	NPP	15.720,57	15.643,49	15.616,77
1.1	Đất trồng lúa	LUA	44,50	44,50	44,50
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	32,97	35,20	35,20
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	2.442,81	2.380,15	2.358,07
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	4.996,84	4.996,84	4.996,84
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	8.156,53	7.999,49	7.994,85
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	18,73	50,53	50,53
1.7	Đất nông nghiệp khác	NKH	28,19	136,78	136,78
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	692,33	774,72	801,44
2.1	Đất ở nông thôn	ONT	30,23	46,45	52,86
2.2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TCS	0,46	1,16	1,16
2.3	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0	1,00	1,00
2.4	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	0	0,17	0,17

TT	Loại đất	Mã	Năm 2022	Năm 2030	Năm 2035
2.5	Đất xây dựng cơ sở giáo dục	DGD	0	3,22	3,22
2.6	Đất thể dục thể thao	DTT	0	3,07	3,07
2.7	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	7,32	5,45	5,45
2.8	Đất chợ	DCH	0	0,10	0,32
2.9	Đất thương mại - dịch vụ - du lịch	TMD	2,89	30,16	42,89
2.10	Đất xây dựng công trình bưu chính viễn thông	DBV	0,01	0,01	0,64
2.11	Đất xây dựng công trình năng lượng	DNL	0	1,53	1,53
2.12	Đất cây xanh	CX	0	0	1,86
2.13	Đất di tích lịch sử, văn hóa	DDT	0	0,75	0,75
2.14	Đất khu, cụm công nghiệp, làng nghề	CN	28,75	30,00	30,00
2.15	Đất khoáng sản, VLXD, làm đồ gốm	KS	0	35,00	35,00
2.16	Đất giao thông, hạ tầng khác	DGT	218,51	184,43	185,82
2.17	Đất bãi thải, xử lý chất thải rắn	DRA	0	1,28	1,28
2.18	Đất nghĩa trang - nghĩa địa	NTD	8,75	8,75	12,32
2.19	Đất thủy lợi	DTL	0	27,93	27,93
2.20	Đất quốc phòng	CQP	1,09	41,09	41,09
2.21	Đất an ninh	CAN	0	0,10	0,10
2.22	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối	SON	318,06	316,72	316,72
2.23	Đất mặt nước chuyên dùng	MNC	76,26	36,26	36,26
3	Đất chưa sử dụng	CSD	90,59	85,28	85,28
	Tổng cộng		16.503,49	16.503,49	16.503,49

6. Định hướng tổ chức không gian

- Bố trí hợp lý không gian khu trung tâm, không gian các khu dân cư và khu vực sản xuất.

- Khu trung tâm, vị trí các công trình công cộng như: trung tâm hành chính, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa, ...

- Khu dân cư hiện hữu và khu dân cư xây dựng mới: Các khu dân cư này được sắp xếp quy hoạch liền kề nhau và sử dụng giải pháp phát triển theo dạng tuyến theo trục giao thông.

- Không gian sản xuất, định hướng phân chia các khu chức năng của các loại đất để có kế hoạch canh tác, sử dụng đất hợp lý.

7. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kính tế, xã hội

a. Khu trung tâm xã

- Trung tâm xã Vĩnh Hà nằm trên trục đường ĐT7 thuộc thôn Trường Tiên bao gồm các khu vực dân cư, UBND xã, Trường Tiểu học, Trạm Y tế, Bưu điện, trung tâm văn hoá thể thao, các điểm thương mại - dịch vụ,...

- Về cơ bản các khu dân cư thuộc khu trung tâm và các công trình tạo điểm nhấn cảnh quan cho xã như: Khu hành chính xã, Trường tiểu học, mầm non... đều đã được ổn định, về lâu dài cần nâng cấp cải tạo để khang trang, sạch đẹp.

- Định hướng đến năm 2035 cần quy hoạch bổ sung: Khu vực Chợ tại khu ngã tư thôn Trường Tiên với quy mô diện tích đất 4.000m²; nâng cấp nhà văn hóa xã tại khu hành chính với quy mô diện tích xây dựng là 500m²; Xây dựng mới trụ sở UBND xã tại vị trí hiện nay.

b. Quy hoạch hệ thống hạ tầng xã hội

- Cơ sở vật chất trường học:

+ Trường mầm non: Nâng cấp điểm trường trung tâm (thôn Trường Tiên) đạt chuẩn mức độ 2; xây dựng điểm trường thôn Rào Trường, Bãi Hà đạt chuẩn mức độ 1; quy hoạch xây dựng mới 09 phòng học thuộc địa các điểm trên, cải tạo nâng cấp nhà bếp ăn đạt chuẩn để đảm bảo tiêu chuẩn.

+ Trường tiểu học: Quy hoạch xây dựng mới tối thiểu 05 phòng học thuộc địa điểm thôn Trường Tiên, xây dựng bổ sung nhà vệ sinh công cộng, mua sắm bàn ghế, đồ dùng thiết bị dạy học, xây dựng đạt chuẩn mức độ 1.

- Cơ sở vật chất văn hóa:

+ Nâng cấp nhà văn hóa xã tại khu trung tâm hành chính với quy mô diện tích xây dựng là 500m².

+ Định hướng khu trung tâm các thôn: Xây dựng các sân chơi thể dục thể thao tại tất cả các thôn; cải tạo các nhà văn hóa cộng đồng, nâng cấp trang thiết bị đồng bộ.

- Công viên, cây xanh:

+ Các tuyến giao thông trục trung tâm, tuyến chính trong khu vực cần chọn duy nhất một loại cây (ưu tiên có hoa) theo tuyến để tạo điểm nhấn. Đoạn trục đi qua khu vực cảnh quan trước UBND xã kết hợp trồng các loại cây theo những cụm lớn, ưu tiên loại có màu sắc và hoa sặc sỡ. Trồng cây bóng mát các tuyến từ đường liên thôn, đối với các hộ dân cần phát động và khuyến khích các giải pháp trồng cây trang trí trên cao như chậu hoa, giàn hoa, để tạo bóng mát, tạo cảnh quan tại các trục chính.

+ Bổ sung đất cây xanh cách ly giữa khu vực quân sự xã với khu dân cư có tổng diện tích 0,98ha (lấy từ đất trồng cây lâu năm) và khu vực vườn hoa cây xanh trung tâm thôn Rào Trường với diện tích 0,88ha (lấy từ đất rừng sản xuất).

- Thông tin, truyền thông:

+ Quy hoạch xây dựng công trình bưu chính, viễn thông tại thôn Rào Trường với diện tích 0,54ha.

+ Đến năm 2030, đảm bảo người trong độ tuổi lao động đều có điện thoại, toàn xã có 70% dân số sử dụng điện thoại di động, trong đó sử dụng điện thoại thông minh khoảng 1.020 người; đến năm 2035 có khoảng 1.935 người sử dụng điện thoại thông minh.

+ Các dịch vụ bưu chính viễn thông, truyền thanh: Cập nhật công nghệ hiện đại, tiên tiến trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng thông tin quốc gia; các công nghệ được lựa chọn phải mang tính đón đầu, tương thích, phù hợp với xu hướng hội tụ công nghệ; đẩy mạnh phát triển dịch vụ di động, Internet, thương mại điện tử, dịch vụ phục vụ Chính phủ điện tử, dịch vụ công, dịch vụ cộng đồng và các dịch vụ giá trị gia tăng khác; đầu tư, phát triển mới 03 trạm 5G trên địa bàn xã.

c. Định hướng phát triển và chỉnh trang khu dân cư

- Quy hoạch chỉnh trang khu dân cư hiện có: Nhà ở của dân cư trong xã khu vực người Kinh được xây dựng từ lâu theo kiến Trúc truyền thống, khuôn viên nhà ở có sân, có bếp riêng và có vườn cây phía trước hoặc sau nhà. Tại khu vực thôn Bãi Hà Mới và thôn Khe Hó Trù nhà ở phần lớn kiểu nhà san của đồng bào người Vân Kiều, diện tích sàn từ 40-60m², tường làm bằng vách gỗ, mái lợp tôn hoặc tấm xi măng, sàn cao so với mặt đất nền từ 2-3m, phía dưới dùng để các vật dụng, kho, chất đốt, bên trên dùng để ở và sinh hoạt.

- Quy hoạch xây dựng, bố trí điểm dân cư mới: Để đáp ứng yêu cầu đất ở khi dân số tăng, quy hoạch phát triển đất ở tại các thôn như sau:

+ Thôn Rào Trường với diện tích 1,15ha (lấy từ đất trồng cây lâu năm).

+ Thôn Công Ba với diện tích 1,98ha (lấy vào đất trồng cây lâu năm).

+ Thôn Trường Tiên với diện tích 0,76ha (lấy vào đất trồng rừng sản xuất).

+ Khu vực thôn 5 với diện tích 1,86ha (lấy vào đất trồng cây lâu năm).

+ Thôn Bãi Hà Mới với diện tích 1,81ha (lấy vào đất trồng rừng sản xuất).

d. Quy hoạch phát triển sản xuất

- Định hướng chung trong phát triển sản xuất:

+ Tập trung chuyển đổi diện tích canh tác, tăng hệ số sử dụng đất sản xuất, nâng cao năng suất, sản lượng cũng như chất lượng nông sản để phù hợp với thị hiếu, đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao cả về số lượng và chất lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

+ Chú trọng ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến một cách rộng rãi, huy động vốn đầu tư từ nhiều nguồn vốn khác nhau nhằm xây dựng vùng sản xuất tập trung với quy mô lớn, giảm thiểu chi phí đầu vào trong sản xuất nâng cao năng suất, chất lượng từ đó tăng giá trị sản phẩm đầu ra.

+ Phát triển vùng sản xuất tập trung với các sản phẩm thế mạnh, các sản phẩm nông nghiệp có giá trị cao, phù hợp với điều kiện sản xuất ở địa phương.

+ Tăng cường sự phối hợp, liên kết chặt chẽ giữa 4 nhà (Nhà nước, nhà khoa học, nhà kinh doanh, nhà nông) đảm bảo môi trường sản xuất kinh doanh thuận lợi, có hiệu quả kinh tế cao, cân bằng giữa các yếu tố sản xuất đầu vào, nâng cao chất lượng sản phẩm đầu ra, mở rộng thị trường tiêu thụ, nâng cao tính cạnh tranh của sản phẩm.

+ Hoàn thiện nhanh công tác xây dựng cơ bản, kiên cố hóa kênh mương, hệ thống giao thông nông thôn, đường sản xuất, hệ thống lưới điện phục vụ sản xuất nông nghiệp theo tiêu chí nông thôn mới. Tạo nền tảng thúc đẩy sự phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất nông sản hàng hóa có chất lượng cao.

+ Phát triển kinh tế số: Khuyến khích phát triển công nghệ thông tin, đặc biệt là các doanh nghiệp sản xuất phân phối sản phẩm chủ lực của xã. Xây dựng các sản phẩm phần mềm dùng chung trong cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và xã hội, đặc biệt là các phần mềm cho các hệ thống lớn, phần mềm ứng dụng trên mạng di động, mạng Internet. Đẩy mạnh việc áp dụng các giải pháp công nghệ số (công nghệ mã vạch, mã QRcode, chip NFC, công nghệ Blockchain...) để truy xuất nguồn gốc xuất xứ sản phẩm, xây dựng thương hiệu trực tuyến và tiếp thị sản phẩm trên môi trường điện tử.

- Ngành lâm nghiệp:

+ Quy hoạch giai đoạn đến 2030, định hướng đến 2035: Bảo vệ và phát triển hệ sinh thái rừng hiện nay, đây là khu vực có tính đa dạng sinh học cao.

+ Đối với khu vực sản xuất trong khu vực có diện tích khá lớn (8.070,55 Ha) trồng chủ yếu là cây Tràm, Keo lai. Vì vậy cần tổ chức sản xuất theo chuỗi liên kết trên toàn khu vực của cả xã và các vùng trồng lân cận để tạo vùng nguyên liệu tập trung và đảm bảo đầu ra ổn định cho sản phẩm, thiết lập hệ thống sản xuất theo tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững (tiêu chuẩn Chứng chỉ rừng FSC) và tiêu chuẩn sản xuất hữu cơ để đáp ứng xu thế, nhu cầu thế giới về sản phẩm có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và thân thiện với môi trường.

- Ngành trồng trọt:

+ Tăng cường ứng dụng tiên bộ kỹ thuật vào sản xuất để tăng năng suất cây trồng, đẩy mạnh thực hiện cơ giới hoá đồng ruộng, tăng hiệu quả sản xuất trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp. Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hoá, chú trọng phát triển các cây trồng có giá trị, có thị trường tiêu thụ như lúa chất lượng cao, sắn, rau đậu thực phẩm...

+ Cây lúa: Dự kiến diện tích lúa cả năm ổn định đến năm 2035 ở mức 50 ha gieo trồng. Duy trì ổn định diện tích lúa chất lượng cao chiếm từ 85%-90% diện tích gieo trồng, chủ động sản xuất lúa giống nhằm chủ động nguồn giống cung cấp cho sản xuất và thị trường lân cận.

+ Cây chất bột: Diện tích cây chất bột chủ yếu là khoai và sắn, trong giai đoạn đến năm 2030 giữ ổn định, diện tích cung cấp một phần cho tiêu dùng và làm thức ăn chăn nuôi. Thực hiện luân canh một cách hợp lý, giữ gìn dinh dưỡng đất.

+ Cây hàng năm khác: Một số cây hàng năm khác trên địa bàn như lạc, rau đậu thực phẩm, ớt, cây gia vị khác có diện tích không nhiều song có giá trị kinh tế khá cao, góp phần đa dạng hoá sản phẩm trong nông nghiệp.

+ Cây lâu năm: Quy hoạch trong giai đoạn tới năm 2035, trồng cây lâu năm trên 800ha. Chủ yếu tập trung trồng cây cao su cho thu nhập cao với diện tích quy hoạch ước tính khoảng 797ha (tăng 20ha so với năm 2022); diện tích cây hồ tiêu khoảng 3ha.

- Ngành chăn nuôi: Tập trung đẩy mạnh phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp, bán công nghiệp, khuyến khích các hộ chăn nuôi trang trại xa khu dân cư; quy hoạch trang trại chăn nuôi theo mô hình kết hợp chăn nuôi - thủy sản.

- Ngành thương mại - dịch vụ:

+ Xây dựng khu vực Chợ tại khu ngã tư thôn Trường Tiên với quy mô diện tích đất 4000m²; Quy hoạch các điểm thương mại dịch vụ nhỏ tại điểm trung tâm các thôn, trong đó có kết hợp thương mại - dịch vụ đa ngành nghề gắn với các hộ gia đình, chủ yếu là phục vụ trong địa bàn và các xã lân cận.

+ Quy hoạch khu vực chợ giai đoạn 2 đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao với diện tích 0,32ha (lấy từ đất trồng cây lâu năm); quy hoạch điểm dịch vụ thôn Trường Tiên với diện tích 0,19ha (lấy từ đất rừng sản xuất).

+ Quy hoạch phát triển khu vực thương mại dịch vụ du lịch giai đoạn 2 tại vùng hồ thôn 4 và các điểm bán lẻ các thôn với tổng diện tích là 12,73ha (lấy từ đất trồng cây lâu năm).

8. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a. San nền

- Cốt san nền các khu quy hoạch xây dựng đặc biệt là khu trung tâm xã cần gắn với cốt quy hoạch tuyến đường trục chính xã, tránh định cốt không chế xây dựng quá cao, hoặc quá thấp so với mặt đường.

- Các tuyến kênh tưới cốt đáy kênh thiết kế cần căn cứ vào cốt mặt ruộng trong khu vực để thiết kế cho phù hợp. Các tuyến nội đồng định cốt thiết kế cao so với mặt ruộng không quá 1m, để đảm bảo thuận tiện trong sản xuất.

- Vật liệu san nền ưu tiên sử dụng vật liệu hiện có của địa phương như đất đồi, cát, đá sỏi...

b. Giao thông

- Đường liên xã, trục xã : Đạt tiêu chuẩn kỹ thuật đường ô tô cấp VI được quy định trong TCVN 4054 - 2005.

- Các tuyến đường liên thôn, trục chính thôn có mặt cắt ngang rộng 7m - 9m. Trong đó mặt đường 3,5m - 5m, lề đường 2x2m (trong khu dân cư 2x2m) và 2x1m (ngoài khu dân cư).

- Các tuyến đường nhánh trong thôn, đường ngõ xóm được bê tông hóa (đạt 100%); chiều rộng mặt cắt ngang đường 6,5m; trong đó mặt đường 3,5m, lề đường 2x1,5m. Quy hoạch cho giai đoạn sau cần nâng cấp mở rộng để đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và thuận lợi cho giao thông.

- Các tuyến trục chính nội đồng có mặt cắt ngang 4m - 5,5m, trong đó chiều mặt đường 3m - 3,5m, lề đường mỗi bên 0,5m - 1m. Đường trục nhánh nội đồng và đường bờ vùng, bờ thửa 1,5m - 3,5m, đường bê tông không có lề gia cố. Đến năm 2023, quy hoạch xây dựng bê tông hóa xe cơ giới đi lại thuận tiện với tổng chiều dài các tuyến còn lại 801m.

- Quy hoạch tuyến giao thông ven hồ thôn 5 với chiều dài 500m, diện tích đất sử dụng là 0,25ha và đường vào khu diễn tập quân sự xã dài 280m, diện tích đất sử dụng là 0,14ha (lấy từ đất trồng cây hàng năm), mở rộng các tuyến giao thông khác với tổng diện tích dự kiến là 1,0ha.

c. Hệ thống cấp điện sinh hoạt và chiếu sáng.

- Cải tạo, nâng cấp lưới điện hạ áp, bổ sung trạm biến áp ≥ 200 kvA cho khu vực trung tâm tại thôn Trường Tiên để phát triển sản xuất, chiếu sáng và phục vụ hương mại - dịch vụ.

- Xây dựng hoàn thiện hệ thống chiếu sáng cho tuyến trục chính, liên xã các điểm dân cư nông thôn, khu vực trung tâm có thể sử dụng đèn năng lượng mặt trời nhưng phải đạt chỉ tiêu chiếu sáng quy định.

d. Cấp nước

Khu vực trung tâm xã tiếp giáp với thị trấn Bến Quan đang được sử dụng nước của Nhà máy nước Bến Quan; Người dân khu vực khác trong xã đang sử dụng tạm các hệ thống nước tự chảy và nguồn nước ngầm để phục vụ sinh hoạt và sản xuất. Về lâu dài sẽ xây dựng phương án các điểm tăng áp để được cấp từ nguồn nước sạch, vị trí các thôn cách xã sử dụng nguồn nước tự chảy được xử lý trước khi vào các bể chứa tập trung.

e. Thoát nước

- Hệ thống thoát nước mưa bao gồm thoát nước mưa trong khu dân cư, thoát nước mưa từ các lưu vực nguồn đổ về. Cần lựa chọn hệ thống thoát nước phù hợp với hệ thống tiêu thủy lợi. Đối với sông suối chảy qua khu vực dân cư, cần cải tạo, gia cố bờ, chống sạt lở.

- Tỷ lệ thu gom nước thải và lựa chọn hệ thống thoát nước các điểm dân cư tối thiểu phải thu gom được 80% lượng nước cấp để xử lý; Tiêu chuẩn nước thải sinh hoạt phải phù hợp với quy định tại QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

f. Thu gom, xử lý chất thải rắn

- Giai đoạn đến 2030 tại khu vực trung tâm xã có lượng rác thải ít nên đang hợp đồng với Trung tâm Môi trường - công trình đô thị huyện để thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt.

- Giai đoạn đến 2035 định hướng bố trí khu xử lý chất thải rắn được quy hoạch cho cụm 03 xã (Vĩnh Ô, Vĩnh Khê và Vĩnh Hà) phải phù hợp với yêu cầu trước mắt và phát triển trong tương lai. Khoảng cách ly vệ sinh từ khu xử lý đến ranh giới khu dân cư ≥ 3 km. Hình thành các hợp tác xã, hộ kinh doanh hoặc các hình thức khác để thực hiện thu gom chất thải rắn vô cơ từ các thôn tới các trạm trung chuyển và vận chuyển tới khu xử lý chất thải rắn của xã hoặc cụm xã.

g. Nghĩa trang, nghĩa địa

Quy hoạch mở rộng thêm 03 vị trí nghĩa trang với tổng diện tích là 3,57ha (gồm 0,57ha khu vực nghĩa trang phía Nam thôn Khe Hó Trù, 1,0ha khu vực nghĩa trang phía Bắc thôn 4 và 2,0ha khu vực nghĩa trang thôn 5, tất cả chuyển đổi từ đất trồng cây lâu năm).

h. Thủy lợi

Cải tạo, nạo vét hệ thống kênh mương dài 800m để đảm bảo công tác tiêu nước thuận lợi trong mùa mưa lũ. Quy hoạch đến năm 2030 đạt tỷ lệ tưới 100% trên diện tích 44,5ha, định hướng đến năm 2035 đáp ứng tưới 100% trên diện tích mở rộng là 50ha trồng lúa.

9. Tiến độ, giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã

- Tiến độ thực hiện: Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Hà huyện Vĩnh Linh đến 2035 được triển khai thực hiện kể từ ngày đồ án được UBND huyện ban hành Quyết định.

- Giải pháp tổ chức thực hiện:

+ Sau khi Đồ án quy hoạch được phê duyệt, UBND xã tổ chức công bố và phổ biến cho Nhân dân trong xã và các tổ chức liên quan, các nhà đầu tư được biết.

+ Hàng năm xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện dự án đầu tư theo quy hoạch trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

+ Tổ chức quản lý xây dựng theo đúng Đồ án quy hoạch được phê duyệt.

Điều 2. UBND xã Vĩnh Hà căn cứ quy hoạch được phê duyệt tổ chức công bố đồ án quy hoạch theo các quy định hiện hành. Chịu trách nhiệm về công tác quản lý, thực hiện và lưu trữ hồ sơ. Thực hiện quản lý quy hoạch xây dựng theo quy chế đã được phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Trưởng phòng Nông nghiệp và PTNT, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Vĩnh Linh, Thủ trưởng các phòng, ban có liên quan và Chủ tịch UBND xã Vĩnh Hà chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, KT&HT.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Thái Văn Thành